

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sinh

2. Ông Trần Đạt Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2054/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp R, xã N, tỉnh Vĩnh Long – Chỗ ở: Tổ 8 ấp E, xã T, tỉnh Đồng Nai). Đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Thạch Sa R, sinh 1978. Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp R, xã N, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt không lý do

- Con chung:

Cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 27/12/2010

Cháu Thạch Linh Đ, sinh ngày 02/01/2014

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày, yêu cầu:

Về hôn nhân, bà và ông Thạch Sa R quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2011. Thời

gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, do mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung, bà và ông Thạch Sa R có hai con chung tên Nguyễn Thị Bích T sinh ngày 27/12/2010 và tên Thạch Linh Đ sinh ngày 02/01/2014, bà giao quyền nuôi hai con cho ông Thạch Sa R nuôi và bà không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, không có nên bà không yêu cầu.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Kim D cho rằng:

Bà vẫn giữ yêu cầu ly hôn nguyên nhân do sau khi kết hôn và có thời gian hai người đi làm thuê, sinh sống xa nhà thì ông Sa R không chung thủy, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhiều lần bà khuyên thì đánh bà. Vì không thể tiếp tục sống chung và bị ông Sa R đánh nên khoảng năm 2022 bà dẫn theo hai con ra ngoài thuê nhà sống riêng, đến dịp nghỉ hè ông Sa R đến dẫn hai con đi chơi và từ đó ông Sa R dẫn theo hai con đi sinh sống chung với ông Sa R đến nay không trả cho bà, thời gian đầu bà còn được gặp hai con, thỉnh thoảng còn liên lạc gọi điện thoại thông qua mạng xã hội như zalo, facebook. Nhưng chỉ được vài tháng, khoảng trong năm 2023 thì không còn liên lạc được, vài lần bà đến nhà mà vợ chồng cùng các con sinh sống trước đây tại ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp R, xã N, tỉnh Vĩnh Long) để tìm mà không gặp, hỏi thăm người thân của ông Sa R về chỗ ở của họ thì mọi người không nói, do tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà không yêu cầu đoàn tụ.

Bà và ông Thạch Sa R có hai con chung là Nguyễn Thị Bích T sinh ngày 27/12/2010 và Thạch Linh Đ sinh ngày 02/01/2014. Nhưng cháu Nguyễn Thị Bích T nguyên nhân cháu mang họ Nguyễn là vì lúc sinh cháu, thì bà với ông Sa R chưa đăng ký kết hôn nên đã lấy theo họ của bà, riêng cháu Thạch Linh Đ sinh ngày 02/01/2014 là mang họ Thạch của ông Sa R. Hiện nay hai con đang sinh sống chung ông Sa R, nhưng ông Sa R và người thân cố tình giấu địa chỉ nên bà đồng ý giao hai con cho ông Sa R nuôi sau ly hôn. Nếu sau này ông Sa R không nuôi con hoặc có yêu cầu giao con lại thì bà sẽ đồng ý nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung, bà vẫn khai xác nhận không có nên không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác.

Bị đơn ông Thạch Sa R vắng mặt nên không có lời trình bày yêu cầu:

Hai cháu Nguyễn Thị Bích T sinh ngày 27/12/2010 và Thạch Linh Đ sinh ngày 02/01/2014 do không tiếp xúc được nên không xác định được nguyện vọng, yêu cầu của hai cháu.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chị D và ông Sa R tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định thì đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung xảy ra mâu thuẫn do ông Sa R không chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình nên bà D yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Con chung là Nguyễn Thị Bích T sinh ngày 27/12/2010 và Thạch Linh Đ sinh ngày 02/01/2014 hiện sinh sống chung ông Sa R, bà D cũng thống nhất giao con cho ông Sa R nuôi và bà không tự nguyện cấp dưỡng, còn ông Sa R thì không ý kiến nên dành cho ông Sa R được quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng cho con sau ly hôn theo quy định.

Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Từ đó nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà D được ly hôn với ông Sa R; Giao hai con chung cháu Nguyễn Thị Bích T và Thạch Linh Đ cho ông Sa R nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, bà D không tự nguyện cấp dưỡng mà ông Sa R không ý kiến nên sau ly hôn ông Sa R được quyền khởi kiện về cấp dưỡng cho con nếu có yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét giải quyết; Về án phí, buộc bà D chịu án phí ly hôn theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Kiến nghị khắc phục thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị Kim D khởi kiện ông Thạch Sa R có nơi cư trú tại ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp R, xã N, tỉnh Vĩnh Long), nội dung yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung. Nhận thấy, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết vụ án, cũng như xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự là đúng quy định.

[2] Sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Thạch Sa R là vắng mặt không lý do. Nhận thấy, ông Thạch Sa R đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng.

[3] Tại đơn khởi kiện và các lời khai của đương sự cho thấy, bà Nguyễn Thị Kim D và ông Thạch Sa R kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể

hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 52/2011, quyển 01/2011 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 17/5/2011 (bút lục 03) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

[4] Bà Nguyễn Thị Kim D cho rằng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo hoà giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, mà ông Thạch Sa R vắng mặt, Tòa án có động viên, giải thích, đồng thời thuyết phục bà D hàn gắn tình nghĩa vợ chồng mà không thành, bà kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn và không yêu cầu nuôi con. Đối với ông Thạch Sa R không có văn bản phản đối hoặc đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình trong vụ án, tại thời điểm xét xử hai người không còn sống chung và bà Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu đoàn tụ, điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Thạch Sa R ly hôn.

[5] Đối với con chung cháu Nguyễn Thị Bích T sinh ngày 27/12/2010 và Thạch Linh Đ sinh ngày 02/01/2014, qua giấy khai sinh thể hiện đã đủ 07 tuổi (bút lục 04, 05). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tại các điều 82, 83, 107 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng đương sự xác định không yêu cầu nuôi con do tại thời điểm giải quyết, xét xử vụ án, hai cháu không sinh sống chung với bà Nguyễn Thị Kim D. Nhận thấy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu và xác minh tại địa phương thời điểm xét xử vụ án, ông Thạch Sa R đã dẫn theo cháu Nguyễn Thị Bích T và cháu Thạch Linh Đ rời khỏi địa phương, đi sinh sống và làm việc (làm thuê) xa nhà và không xác định được địa chỉ nơi tạm trú, điều này cho thấy ông Thạch Sa R là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu tốt, đồng thời bà Nguyễn Thị Kim D không phản đối nên có cơ sở giao hai cháu cho ông Thạch Sa R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Đồng thời sau ly hôn người trực tiếp nuôi con có quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim D khai xác nhận không có, đồng thời ông Thạch Sa R không có văn bản phản đối hoặc đưa ra yêu cầu tranh chấp gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên cho rằng, vụ án chưa đảm bảo về thời hạn xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nhận thấy, phát biểu của Kiểm sát viên là đúng nên Thẩm phán cần nghiêm túc rút nghiệm và khắc phục triệt để. Đối với phát biểu đề nghị việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D.

1. Về hôn nhân:

Cho bà Nguyễn Thị Kim D ly hôn với ông Thạch Sa R.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao con chung cháu Kim Hoàng Q sinh ngày 11/10/2014 cho ông Thạch Sa R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết (sau khi ly hôn người trực tiếp nuôi con được quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung: Đương sự khai xác nhận không có, không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0014567 ngày 05/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Vĩnh Long) nên không phải nộp tiếp.

Ông Thạch Sa R không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực A – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Hồng Nga